ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3508/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 04/02/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1137/QĐ-TTg ngày 03/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 24-Ctr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 24-Ctr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số32/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh;

Căn cứ Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 91/Ttr-SKHĐT ngày 15 tháng 11năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2020

(Ban hành kèm Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày13/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

- Nghị Quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 04/02/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 1137/QĐ-TTg ngày 03/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình số 24-Ctr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 24-Ctr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh;

- Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

2. Thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương

2.1 Tình hình phát triển doanh nghiệp trong nước

Trong những năm qua, các doanh nghiệp trong nước giữ vai trò rất quan trọng trong việc phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, đồng thời tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội. Mặc dù quy mô vốn còn hạn chế so với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước đã thành lập và phát triển rộng khắp ở cả khu vực thành thị và nông thôn, hoạt động nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, tạo cơ hội cho đông đảo người dân tham gia sản xuất và tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Theo số liệu thống kê của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn 2013-2016, số lượng doanh nghiệp trong nước thành lập mới tăng trung bình 24%/năm, vốn đăng ký mới tăng trung bình 31%/năm. Trong10 tháng đầu năm 2017, tỉnh đã thu hút thêm 4.673 doanh nghiệp trong nước với số vốn đăng ký là 24.857 tỷ đồng, tăng 16% về số lượng và 42% về vốn so với cùng kỳ năm 2016. Lũy kế đến nay, tỉnh đã thu hút 30.100 doanh nghiệp trong nước với tổng số vốn đăng ký là 231.691 tỷ đồng, chiếm hơn 90% tổng số doanh nghiệp của toàn tỉnh.

Về ngành nghề hoạt động, các doanh nghiệp trong nước thường đăng ký hoạt động theo hướng đa ngành nghề. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp trong nước tập trung vào các ngành nghề chủ yếu như bán buôn, bán lẻ (32%), xây dựng nhà các loại (6%), vận tải hàng hóa (3,15%)...

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, trong giai đoạn 2013-2015, vốn sản xuất bình quân năm của các doanh nghiệp trong nước tăng trung bình 13%/năm, chiếm 55,8% vốn sản xuất kinh doanh bình quân năm 2015 của doanh nghiệp toàn tỉnh; giá trị tài sản cố định năm 2015 là 138.622 tỷ đồng, tăng trung bình 9%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong năm 2017 ước đạt khoảng 4,9 tỷ đô la Mỹ, chiếm 17,2% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 4,05 tỷ đô la Mỹ, chiếm 17% kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của doanh nghiệp trong nước là sản phẩm gỗ, hàng dệt may, giày dép, hàng điện tử, điện thoại và linh kiện điện tử.

Các doanh nghiệp trong nước đang giải quyết việc làm cho hơn 386.000 lao động, chiếm khoản 40% số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2 Thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước

2.2.1 Các yếu tố bên trong

Tuy phát triển rất nhanh nhưng các doanh nghiệp trong nước tồn tại những khó khăn, hạn chế mang tính đặc thù, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và phát triển như: Quy mô doanh nghiệp nhỏ; trình độ công nghệ lạc hậu; khả năng quản trị yếu; năng suất lao động thấp, việc tiếp cận các nguồn vốn, tạo mặt bằng sản xuất gặp nhiều khó khăn; chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ trong nội khối và với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Về quy mô doanh nghiệp, hiện nay 97% doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Nguồn vốn chủ sở hữu hạn chế khiến cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào các nguồn vốn khác, trong đó chủ yếu là vốn vay, làm gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ. Ngoài ra, nguồn vốn hạn chế ảnh hưởng rất lớn tới kết quả hoạt động của doanh nghiệp như hạn chế việc sử dụng công nghệ hiện đại, hạn chế việc đào tạo nâng cao trình độ cán bộ và nhân viên, hạn chế triển khai nghiên cứu, ứng dụng, nghiên cứu thị trường, hạn chế hiện đại hoá hệ thống tổ chức quản lý,…làm hạn chế năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong trung và dài hạn.

Về trình độ khoa học - công nghệ: theo thống kê của Sở Khoa học và Công nghệ, toàn tỉnh hiện nay chỉ có 03 doanh nghiệp khoa học công nghệ trên tổng số 30.100 doanh nghiệp trong nước. Số lượng doanh nghiệp thực hiện trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ hết sức hạn chế. Nhiều doanh nghiệp trong nước còn chưa chú ý đến công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Trong khi đó, công nghệ sản xuất là yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Công nghệ phù hợp cho phép rút ngắn thời gian sản xuất, giảm mức tiêu hao năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm,…Sự lạc hậu về công nghệ và kỹ thuật sẽ tạo ra chất lượng sản phẩm thấp, không ổn định và giá thành sản phẩm cao đã hạn chế khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong những năm qua, mặc dù nhiều doanh nghiệp đã đổi mới máy móc thiết bị và công nghệ từ các nước công nghiệp phát triển nhưng tốc độ đổi mới công nghệ, trang thiết bị còn chậm, chưa đồng đều và chưa theo một định hướng phát triển rõ rệt.

Về trình độ người lao động: nguồn lao động có tay nghề hiện đang là điểm yếu của các doanh nghiệp trong tỉnh nói chung. Theo thống kê đến ngày 31/12/2016, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo của tỉnh chỉ đạt 21,45%, chủ yếu là lao động thủ công, tác phong, kỷ luật lao động còn hạn chế. Trình độ người lao động chưa qua đào tạo ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ; ảnh hưởng đến công tác tổ chức quản lý và năng suất lao động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp trong nước gặp rất nhiều khó khăn trong thu hút lao động có trình độ cao do phải cạnh tranh với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về mức lương cho người lao động.

Về trình độ tổ chức quản lý của doanh nghiệp: Năng lực quản lý doanh nghiệp còn yếu, đội ngũ chủ chốt quản trị doanh nghiệp vẫn còn yếu về kiến thức quản trị, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý. Trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng chuẩn mực theo thông lệ quốc tế thì các doanh nghiệp trong nước chủ yếu quản trị còn mang tính chất gia đình, dựa theo kinh nghiệm. Quản trị công ty chưa công khai minh bạch thông tin, chưa theo chuẩn mực quản trị doanh nghiệp hiện đại. Trong khi đó, hiện tượng chảy máu chất xám đang có xu hướng tăng khi nhiều đội ngũ lãnh đạo, quản lý, nguồn nhân lực chất lượng cao chạy sang làm thuê cho các công ty nước ngoài.

Về chiến lược thị trường và xây dựng thương hiệu:các sản phẩm của doanh nghiệp trong nước chủ yếu có hàm lượng tri thức và công nghệ thấp, chủ yếu dựa vào lợi thế lao động, chưa có chiến lược xây dựng thương hiệu rõ ràng. Phần lớn các sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước chưa có tính độc đáo, hạn chế về kiểu dáng, tính năng, giá trị gia tăng sản phẩm trong tổng giá trị của sản phẩm thấp, chất lượng sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Hệ thống kênh phân phối chưa được quan tâm đúng mức nên chưa thiết lập được hệ thống kênh phân phối hàng hóa đến đại lý hoặc người tiêu dùng cuối cùng, phần lớn vẫn áp dụng hình thức các kênh phân phối qua các trung gian thương mại do đó chưa kiểm soát được quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm, chưa nắm bắt trực tiếp những thông tin phản ánh tình hình thị trường từ khách hàng.

2.2.2 Các yếu tố bên ngoài

Về môi trường đầu tư, kinh doanh: Theo Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Bình Dương nằm, trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết "hiện tượng

những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp" đã giảm đáng kể từ 76% năm 2014 xuống còn 52% của năm 2016; tỷ lệ doanh nghiệp "không phải đi lại nhiều lần để hoàn thành thủ tục" đã tăng mạnh từ 56% năm 2014 lên 70% năm 2016; tỷ lệ doanh nghiệp cho biết "thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực" đã lên tới 45%, cao đáng kể so với con số 36% của năm trước đó.

Thời gian qua, tỉnh Bình Dương đã đạt được những bước tiến quan trọng trong công tác cải cách hành chính, Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) liên tục đứng trong nhóm đầu, năm 2016 đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) liên tục sụt giảm và nằm trong nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm thấp nhất, trong đó có các lĩnh vực như: Lĩnh vực thủ tục hành chính công và lĩnh vực công khai minh bạch nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp; lĩnh vực tham gia của người dân cấp cơ sở, lĩnh vực trách nhiệm giải trình và lĩnh vực kiểm soát tham nhũng trong khu vực công nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất.

Về mặt bằng sản xuất kinh doanh, trong thời gian qua, chi phí tiếp cận mặt bằng phục vụ sản xuất kinh doanh tăng lên khá cao theo quá trình đô thị hóa của tỉnh. Việc tập trung phát triển sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp và hạn chế tối đa sản xuất bên ngoài khu, cụm công nghiệp để bảo vệ môi trường cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước trong việc tìm kiếm mặt bằng, thuê đất thành lập mới hoặc mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh sẵn có. Các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa dành một phần đất trong các khu công nghiệp với giá cả phù hợp cho các doanh nghiệp trong nước có thể thuê để sản xuất kinh doanh.

Đối với việc quản lý nhà nước về doanh nghiệp thì hiện nay tỉnh chưa tổ chức, phân công cụ thể cơ quan đầu mối thực hiện nhiệm vụ trợ giúp phát triển doanh nghiệp. Chưa xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp hàng năm, đa số các ngành chủ động tiến hành theo kế hoạch riêng lẻ của từng ngành. Do đó, tính đồng bộ trong việc triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian qua còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa phát huy hiệu quả.

Việc thực hiện các biện pháp phát triển doanh nghiệp theo các chính sách của Trung ương trong thời gian qua là kịp thời, đúng hướng nhưng chủ yếu vẫn tập trung cải thiện môi trường bên ngoài của các doanh nghiệp, chưa có chính sách cụ thể nhằm thay đổi, phát triển các yếu tố bên trong của doanh nghiệp như: Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, năng suất lao động; thay đổi công nghệ sản xuất, chủ động liên kết cụm các doanh nghiệp.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Quan điểm xây dựng đề án

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) đảm bảo phù hợp với định hướng, mục tiêu của Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

-Phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế, tận dụng lợi thế từ các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết cũng như các thỏa thuận hợp tác quốc tế đã ký kết của tỉnh.

- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế so sánh hiện có; đồng thời tạo ra lợi thế so sánh mới dựa trên ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt và công nghệ cao.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phải gắn liền với nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Doanh nghiệp đóng vai trò chủ động, quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ về cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Mục tiêu đề án

2.1 Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệptrên địa bàn tỉnh thông qua đẩy mạnh các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ phát triển; góp phần cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có ít nhất 50.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp đến năm 2020 tăng gấp trên 2 lần năm 2016, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa trung bình đạt 15%/năm.

- Năng suất lao động tăng ít nhất 5,3%/năm[1].

[1] Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Năng suất lao động xã hội của cả nước tăng trung bình 5,3%/năm giai đoạn 2013-2016

- Mỗi năm có ít nhất03 doanh nghiệp đạt giải chất lượng quốc gia.

- Doanh nghiệp tham gia được vào chuỗi cung ứng toàn cầu ở một số khâu có giá trị gia tăng cao.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm

- Nâng cao chất lượng hàng hóa, sản phẩm; nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm và tăng tỷ trọng sản xuất từ nguyên liệu trong nước. Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký và bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ một phần chi phí xây dựng thương hiệu, thực hiện đăng ký và bảo hộ, cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm, chứng chỉ thân thiện môi trường, chứng chỉ quy trình sản xuất,... cho doanh nghiệp.

- Tăng cường xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu và thương hiệu doanh nghiệp; Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.

- Triển khai xây dựng và phát triển thương hiệu ngành hàng, nhãn hiệu tập thể, nghiên cứu và áp dụng mô hình phát triển thương hiệu cạnh tranh của ngành.

2. Nhóm giải pháp nâng cao trình độ khoa học - công nghệ

- Tích cực liên doanh, liên kết với doanh nghiệp khác, với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh các hoạt động mua bán, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp nhằm nhanh chóng tiếp cận trình độ độ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại; đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp thông qua chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các doanh nghiệp, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ; khuyến khích phát triển lĩnh vực tư vấn khoa học công nghệ trong doanh nghiệp.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ và đổi mới quy trình sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ thông qua xây dựng, triển khai chính sách hỗ trợ đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường.

- Ban hành cơ chế, chính sách quy định về phát triển các hoạt động nghiên cứu ứng dụng và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ như thương mại điện tử, đặt hàng qua ứng dụng,…nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

3. Nhóm giải pháp về nguồn vốn

- Rà soát, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc,có biện pháp hỗ trợcho doanh nghiệp trong việc tranh thủ tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, vốn vay nước ngoài, các nguồn vốn khác...

- Tăng cường nguồn lực cho các ngân hàng, cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp về lãi suất, bảo lãnh tín dụng và năng lực xây dựng phương án kinh doanh....

- Tăng cường nguồn vốn ưu đãi cho các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phát triển khoa học công nghệ,… kiến nghị sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa,…để tăng cường nguồn vốn cho doanh nghiệp.

4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp); Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung vào các khối kiến thức và kỹ năng: (i) kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại và chuyên nghiệp; (ii) ngoại ngữ, mà trước hết và trọng yếu là tiếng Anh; (iii) tin học ứng dụng trong thương mại và quản lý hệ thống thông tin doanh nghiệp.

- Rà soát và lồng ghép các giải pháp tăng cường đầu tư và phát triển dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật trong doanh nghiệp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin thị trường lao động kết nối hệ thống dữ liệu quốc gia về thị trường lao động để đảm bảo cung cấp thông tin thị trường lao động theo ngành nghề, lĩnh vực mà doanh nghiệp đang cần, để hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng được nguồn lao động đáp ứng yêu cầu của mình.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, nâng cao hiệu quả của công tác tuyển sinh và chất lượng đào tạo, đạo tạo phải gắn với doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch trợ giúp đào tạo nâng cao năng lực quản trị cho doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược nguồn nhân lực gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng việc liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ sở giáo dục - đào tạo và các cơ quan, doanh nghiệp nơi sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.

5. Nhóm giải pháp về mặt bằng sản xuất

- Thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất theo quy định, tạo quỹ đất sạch cho doanh nghiệp. Công khai các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, quy hoạch phát triển các ngành của tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; tiếp tục công khai, minh bạch, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục tiếp cận đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp có bố trí quỹ đất phù hợp cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (về diện tích, giá thuê đất, thuê lại đất...), trong đó nghiên cứu áp dụng các quy định ưu đãi thuế sử dụng đất và hỗ trợ tín dụng đầu tư.

6. Nhóm giải pháp tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi

- Tập trung, quyết liệt thực hiện công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà roát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm, sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính không

cần thiết, thủ tục hành chính gây phiền hà, khó khăn cho doanh nghiệp; công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, lấy sự hài lòng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp là thước đo hiệu quả trong hoạt động của chính quyền các cấp; thực hiện hiệu quả, đồng bộ trong xây dựng chính quyền thân thiện, công sở thân thiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; phát triển hệ thống thông tin thương mại thị trường, tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, dự báo và phổ biến kịp thời, công khai các thông tin kinh tế đến các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp làm cơ sở để doanh nghiệp có thể nâng cao chất lượng xây dựng và điều hành chiến lược đầu tư, kinh doanh của mình.

- Nâng cao năng lực của các hiệp hội ngành hàng; tạo thuận lợi cho hiệp hội phát triển các hoạt động hỗ trợ hội viên về đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại; bảo đảm các hiệp hội được tham gia đầy đủ trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

- Tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước cho phù hợp với điều kiện của nền kinh tế, đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực xã hội, trọng tâm là vốn và đất đai, cơ hội kinh doanh để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân trong nước.

- Tập trung hỗ trợ thông tin thị trường trong và ngoài nước về giá cả, nguồn cung ứng nguyên vật liệu, trang thiết bị công nghệ; hàng năm, tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia triển lãm về công nghệ mới, giới thiệu sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong nước cũng như ngoài nước

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp làm chức năng đầu mối xúc tiến trợ giúp phát triển doanh nghiệp tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ các giải pháp đề ra tại Mục III của Đề án, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một theo chức năng và nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách, xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế, trong đó tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các nhiệm vụ:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ theo định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có chính sách hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thương mại thông qua phát triển hệ thống thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường và củng cố, nâng cấp chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thông tin thương mại.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, chương trình hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, cập nhật thông tin kịp thời đến các doanh nghiệp nội dung các hiệp định thương mại được ký kết.

- Làm đầu mối theo dõi việc cải thiện các chỉ số về xuất nhập khẩu, giá trị gia tăng của hàng hóa sản xuất.

- Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án hàng năm và tổng kết kết quả thực hiện vào cuối năm 2020, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phương hướng thực hiện giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các nhiệm vụ:

- Xây dựng quy hoạch, phát triển các khu nông nghiệp kỹ thuật cao, vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp chế biến. Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 17/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thu hút các doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp khoa học công nghệ đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản xuất khẩu và thương hiệu cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ đặc biệt là công nghệ cao; áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đổi mới quy trình sản xuất.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn riêng vào sản xuất; Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp.

- Triển khai có hiệu quả Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2017-2020 và các nhiệm vụ được giao trong Đề án xây dựng thành phố thông minh đã được phê duyệt.

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Đềán xây dựng thành phố thông minh đã phê duyệt tại Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 vàĐềán "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020 tại Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 20/9/2017.

4. Sở Ngoại vụ

Xây dựng, triển khai các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế; Phối hợp với các Sở, ngành hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường của doanh nghiệp; Tăng cường liên kết doanh nghiệp với doanh nghiệp nước ngoài.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với các ngành có liên quan rà soát, kiến nghị cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách, trong đó chú ý đến những giải pháp thu hút nguồn vốn để tạo nguồn tài chính hỗ trợ cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo đúng tiến độ đã được phê duyệt, nâng cao chất lượng công tác cổ phần hóa; giám sát công tác thoái vốn của các doanh nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt; góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế tài chính tạo thuận lợi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ trong sản xuất nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; xây dựng cơ chế tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Đề án và các nhiệm vụ:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội; tiếp tục ổn định nền tảng kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản theo hướng khuyến khích chuyển giao công nghệ, giảm tỷ trọng gia công lắp ráp, tăng tỷ trọng sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu trong nước.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hànhNghị quyết về Hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

7. Sở Giao thông Vận tải

- Phối hợp đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động tại các Trung tâm Logistics.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ các dự án phát triển giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn, các dự án mang tính chất liên vùng do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động tại các trung tâm logistics.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải đẩy nhanh tiến độ các dự án phát triển giao thông đường bộ, đường thủy trên địa bàn, các dự án mang tính chất liên kết vùng.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp đối với các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh những mặt hàng ưu tiên tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện hiệu quả đề án "Hình thành 03 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn lao động có tay nghề kỹ thuật cao trên địa bàn tỉnh" theo Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4; phần mềm một cửa điện tử; phần mềm quản lý văn bản liên thông …, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính được nhanh chóng, thuận lợi.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống Đài Truyền thanh, hệ thống thông tin cơ sở, Cổng thông tin điện tử của tỉnh tập trung tuyên truyền sâu rộng "Đề án đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 – 2020" đến các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

10. Ngân hàng nhà nước - chi nhánh tỉnh Bình Dương

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại, đảm bảo nguồn vốn tín dụng ưu đãi, thủ tục đơn giản, nhanh chóng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư của doanh nghiệp.

11. Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm lãi suất theo hướng phù hợp với tình hình thị trường và ưu đãi cho doanh nghiệp, điều chỉnh giảm phí thẩm định, phí bảo lãnh để tiết kiệm chi phí cho các doanh nghiệp,...; đồng thời nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn, linh hoạt hơn trong việc hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục vay vốn nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận nhanh nhất nguồn vốn tín dụng.

- Tiếp tục kiến nghị với các cấp có thẩm quyền để xem xét tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng để thực sự phát huy tác dụng là cầu nối giữa ngân hàng với các doanh nghiệp, hỗ trợ cho những doanh nghiệp không thể tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp.

12. Sở Nội vụ

- Tiếp tục tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, các Sở, ban, ngành vàỦy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

- Tiếp tục kiện toàn và tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận một cửa hiện đại cấp huyện, một cửa cấp xã theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

13. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một

- Tiếp tục nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Quán triệt cán bộ công chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu; tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp; Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Quan tâm tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để doanh nghiệp phát triển. Tập trung ưu tiên đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Định kỳ đánh giá kết quả hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đạt được, vướng mắc, khó khăn phát sinh gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Cục Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan để tổng điều tra, rà soát, tổng hợp và công bố số liệu thống kê về mục tiêu cụ thể của Đề án, làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện đề án và định hướng thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

15. Các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng

- Đẩy mạnh tái cơ cấu, liên kết, hợp tác kinh doanh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực quản trị, năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước theo quy định, từ nguồn vốn của doanh nghiệp, từ nguồn vốn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Đề án, các Sở, ngành xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trên đây là nội dung Đề án Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm